Ký bởi: CÔNG BÁO NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Cơ quan: VĂN PHÒNG CHÍNH PHỦ
Ngày ký: 2026-03-10 16:57:29 +07:00

THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 309/QĐ-TTg

Hà Nội, ngày 23 tháng 02 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH
Phê duyệt Chiến lược phát triển ngành sữa giai đoạn đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045

THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 18 tháng 02 năm 2025;

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Nghị quyết 01/NQ-CP ngày 05 tháng 01 năm 2024 của Chính phủ về nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu thực hiện Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và dự toán ngân sách nhà nước năm 2024;

Theo đề nghị của Bộ Công Thương tại Tờ trình số 2336/TTr-BCT ngày 03 tháng 4 năm 2025, Công văn số 7697/BCT-CLCS ngày 06 tháng 10 năm 2025, Công văn số 9599/BCT-CLCS ngày 03 tháng 12 năm 2025 và Công văn số 795/BCT-CLCT ngày 05 tháng 02 năm 2026.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Chiến lược phát triển ngành sữa giai đoạn đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045 (gọi tắt là Chiến lược) với các nội dung sau:

I. QUAN ĐIỂM

1. Phát triển ngành sữa gắn với sự phát triển chung của các ngành kinh tế và đóng góp ngày càng cao trong cơ cấu ngành công nghiệp, đảm bảo phù hợp với quan điểm, đường lối của Đảng, định hướng phát triển kinh tế - xã hội, an ninh dinh dưỡng quốc gia, an toàn thực phẩm, nâng cao thể chất; phù hợp với các chiến lược, quy hoạch tổng thể quốc gia, ngành quốc gia, vùng và địa phương.

2. Phát triển ngành sữa dựa trên lợi thế đất nước có nền nông nghiệp phát triển, gắn với mục tiêu chuyển đổi số nông nghiệp, nông thôn, khai thác tối đa nguồn nguyên liệu trong nước trên cơ sở đẩy mạnh phát triển ngành chăn nuôi bò sữa, nâng cao tỷ lệ sản phẩm nội địa, giảm dần sự phụ thuộc vào nguyên liệu nhập khẩu, nâng cao chuỗi giá trị ngành sữa, gắn kết chặt chẽ với sự phát triển chung của các ngành kinh tế và đóng góp ngày càng cao trong cơ cấu chung của ngành công nghiệp.

3. Phát triển ngành sữa dựa trên khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, áp dụng mô hình quản trị hiện đại, công nghệ tiên tiến, kiểm soát chất lượng, hạn chế tác động đến môi trường với mô hình kinh tế xanh, tuần hoàn, đảm bảo sự phát triển bền vững. Phát huy tối đa tiềm năng của doanh nghiệp thuộc mọi

thành phần kinh tế, không ngừng nâng cao năng lực sản xuất kết hợp với đa dạng hóa sản phẩm để tạo ra nhiều sản phẩm mới có giá trị gia tăng cao, chất lượng tốt, an toàn thực phẩm, đáp ứng nhu cầu về sữa và sản phẩm chế biến sữa cho thị trường trong nước và quốc tế.

II. MỤC TIÊU

1. Mục tiêu tổng quát

Xây dựng ngành công nghiệp chế biến sữa Việt Nam phát triển bền vững với chuỗi giá trị ngành sữa hoàn chỉnh từ khâu phát triển đàn bò sữa, tăng sản lượng sữa tươi nguyên liệu đến chế biến thành phẩm giá trị gia tăng cao. Ngành sữa đáp ứng cơ bản nhu cầu ngày càng cao của thị trường trong nước và tham gia ngày càng sâu trong chuỗi giá trị, chuỗi cung ứng sữa khu vực và toàn cầu.

2. Mục tiêu cụ thể

Giai đoạn đến năm 2030:

- Tốc độ tăng trưởng ngành sữa bình quân hàng năm khoảng 12,0% - 14,0%/năm.

- Sản lượng sữa lỏng chế biến đạt khoảng 4.200 triệu lít/năm.

- Sản lượng sữa tươi nguyên liệu trong nước đạt khoảng 2.600 triệu lít/năm.

- Sữa tươi nguyên liệu trong nước đáp ứng khoảng 60% - 65% nhu cầu của ngành chế biến sữa trong nước.

- Sữa bột tăng trưởng khoảng 7,0% - 8,0% năm, sản lượng sữa bột đạt khoảng 245 nghìn tấn/năm.

- Phấn đấu mức tiêu thụ bình quân sữa và sản phẩm sữa đạt khoảng 40 lít/người/năm.

Giai đoạn đến năm 2035:

- Tốc độ tăng trưởng ngành sữa bình quân hàng năm khoảng 10,0% - 12,0%/năm.

- Sản lượng sữa lỏng chế biến đạt khoảng 6.200 triệu lít/năm.

- Sản lượng sữa tươi nguyên liệu trong nước đạt khoảng 4.500 triệu lít/năm.

- Sữa tươi nguyên liệu trong nước đáp ứng khoảng 70% - 75% nhu cầu của ngành chế biến sữa trong nước.

- Sữa bột tăng trưởng khoảng 5,0% - 6,0% năm, sản lượng sữa bột đạt khoảng 310 nghìn tấn/năm.

- Phấn đấu mức tiêu thụ bình quân sữa và sản phẩm sữa đạt khoảng 60 lít/người/năm.

Tầm nhìn đến năm 2045:

- Tốc độ tăng trưởng ngành sữa bình quân hàng năm từ 5,0% - 6,0%/năm.

- Sản lượng sữa lỏng chế biến đạt khoảng 9.700 triệu lít/năm.

- Sản lượng sữa tươi nguyên liệu trong nước đạt khoảng 8.000 triệu lít/năm.

- Sữa bột tăng trưởng khoảng 3,0% - 4,0% năm, sản lượng sữa bột đạt khoảng 415 nghìn tấn/năm.

- Phấn đấu mức tiêu thụ bình quân sữa và sản phẩm sữa đạt khoảng 100 lít/người/năm.

- Sữa tươi nguyên liệu trong nước đáp ứng khoảng 80% - 85% nhu cầu của ngành chế biến sữa trong nước.

III. ĐỊNH HƯỚNG

1. Định hướng phát triển

- Xây dựng chuỗi chăn nuôi bò sữa đảm bảo an toàn dịch bệnh, an toàn thực phẩm theo tiêu chuẩn quốc tế. Từng bước nâng cao số lượng bò sữa trong nước nhằm tận dụng tối đa lợi thế đất nước nông nghiệp, tăng sản lượng nguồn sữa tươi nguyên liệu chế biến trong nước nhằm giảm dần sự phụ thuộc vào nhập khẩu sản phẩm sữa và nguyên liệu chế biến sữa. Phát triển đàn bò sữa theo hướng trang trại bò sữa tập trung kết hợp với chăn nuôi hợp tác xã, nông hộ, gắn với mục tiêu hiện đại hóa khu vực nông nghiệp nông thôn.

- Đẩy mạnh đa dạng hóa sản phẩm sữa đi đôi với nâng cao chất lượng, hình thức, mẫu mã và bao bì sản phẩm. Khuyến khích nghiên cứu, ứng dụng công nghệ số, blockchain, AI trong quản lý đàn bò, truy xuất nguồn gốc, phân phối sữa nhằm nâng cao tỷ trọng sản phẩm sữa có giá trị gia tăng cao, tăng năng suất, chất lượng và hiệu quả kinh tế, từ đó hình thành các sản phẩm chủ lực có tính đột phá, đáp ứng nhu cầu tiêu dùng trong nước và xuất khẩu.

- Thúc đẩy hoạt động nghiên cứu thị trường kết hợp với nghiên cứu sản xuất chế phẩm, phụ gia, hương liệu phục vụ ngành sữa hướng đến việc phát triển các sản phẩm mới phù hợp với thị hiếu tiêu dùng và theo kịp xu hướng tiêu dùng sữa và sản phẩm chế biến sữa trên thế giới.

- Đẩy mạnh phát triển các dòng sản phẩm có giá trị gia tăng cao; sữa và chế phẩm từ sữa, sữa công thức dành cho các đối tượng theo vòng đời như trẻ em, người cao tuổi, sữa dành cho người có nhu cầu chuyên biệt; đối với sữa học đường chỉ sử dụng nguồn sữa tươi, đảm bảo tiếp cận sữa tươi cho các vùng khó khăn, trẻ em nghèo, học sinh dân tộc thiểu số.

- Thúc đẩy khoa học, đổi mới sáng tạo, đầu tư ứng dụng các dây chuyền sản xuất tự động hóa thế hệ mới có mức tiêu hao nguyên, nhiên liệu thấp, hiệu suất cao, thân thiện với môi trường. Đồng thời ưu tiên thúc đẩy ứng dụng tiến bộ khoa học và công nghệ trong toàn bộ chuỗi giá trị, bao gồm: phát triển giống bò sữa năng suất cao, chất lượng sữa tốt phù hợp với thổ nhưỡng các vùng miền đất nước nhằm tăng nhanh sản lượng nguồn sữa tươi nguyên liệu, nâng cao công nghệ chế biến, bảo quản, phân phối sản phẩm.

2. Định hướng phát triển doanh nghiệp

- Tiếp tục mở rộng quy mô đàn bò sữa, tăng sản lượng nguồn sữa tươi nguyên liệu, nâng cao công suất chế biến thông qua việc nâng cấp các dự án hiện có, ứng dụng công nghệ hiện đại, thiết bị dây chuyền tự động hóa ở mức cao, ưu tiên đầu tư phát triển các dự án hoàn chỉnh theo chuỗi giá trị từ chăn nuôi bò lấy sữa đến các sản phẩm sữa chế biến, bảo đảm chất lượng, an toàn thực phẩm, tuân thủ các quy định về bảo vệ môi trường trong toàn bộ quy trình sản xuất và phân phối sản phẩm.

- Tái cơ cấu tổ chức, đổi mới mô hình quản trị, hướng tới hình thành các tập đoàn, tổng công ty có quy mô lớn trong lĩnh vực sản xuất sữa nhằm nâng cao năng lực cạnh tranh, tạo vị thế xếp hạng cao trong khu vực và trên thế giới, từng bước khẳng định vai trò và vị thế của ngành sữa Việt Nam trong chuỗi giá trị và chuỗi cung ứng sữa toàn cầu.

- Thúc đẩy phát triển các doanh nghiệp sản xuất sữa tươi nguyên liệu theo hướng bền vững với quy mô hợp lý, chất lượng giống đàn bò được cải thiện, dần chủ động được giống bò sữa trong nước cho năng suất sữa cao. Từng bước ổn định và gia tăng nguồn cung nguyên liệu sữa phục vụ chế biến. Đồng thời phát triển mối liên kết chặt chẽ, hài hòa giữa doanh nghiệp, người chăn nuôi sản xuất sữa nguyên liệu và doanh nghiệp chế biến theo các mô hình liên kết tiên tiến, cùng phát triển nhằm ổn định thị trường, nâng cao năng lực sản xuất, sức cạnh tranh của sản phẩm, thương hiệu sữa Việt Nam.

3. Định hướng thị trường

a) Đối với thị trường trong nước:

- Đẩy mạnh đổi mới phương thức tiếp cận thị trường, truyền thông nâng cao hiểu biết của người tiêu dùng về giá trị của sữa theo hướng ứng dụng công nghệ số, tiếp thị trực tuyến trên nền tảng Internet và mạng xã hội nhằm phát huy tối đa hiệu quả các kênh phân phối, bảo đảm cung ứng đầy đủ, kịp thời, phù hợp với nhu cầu ngày càng đa dạng của người tiêu dùng.

- Từng bước nâng cao tỷ trọng tiêu thụ sản phẩm sữa trong nước thông qua việc mở rộng quy mô sản xuất, nâng cao chất lượng, đa dạng hóa sản phẩm, cải tiến mẫu mã và cơ cấu lại hệ thống phân phối theo hướng thông minh, hiện đại, thuận tiện, hiệu quả. Song hành với phát triển thị trường sản phẩm cần có các chính sách chống gian lận thương mại, đặc biệt trên môi trường thương mại điện tử.

b) Đối với thị trường xuất khẩu:

- Thực hiện đa dạng hóa thị trường xuất khẩu, tăng cường công tác nghiên cứu, tìm kiếm và phát triển thị trường mới. Đẩy mạnh công tác đàm phán kỹ thuật thú y, mở rộng thị trường nhằm đa dạng hóa thị trường xuất khẩu. Tập trung khai thác hiệu quả các cơ hội từ các hiệp định thương mại tự do (FTA) và các cam kết quốc tế khác, đồng thời chủ động tháo gỡ các rào cản kỹ thuật, tạo điều kiện thuận lợi để mở rộng thị trường.

- Đẩy mạnh hoạt động xây dựng, quảng bá thương hiệu sản phẩm sữa Việt Nam, phát triển chỉ dẫn địa lý đối với sản phẩm sữa chế biến. Hỗ trợ doanh nghiệp ngành sữa trong các vấn đề pháp lý, giải quyết tranh chấp thương mại nhằm giảm thiểu rủi ro trong quá trình tham gia vào thị trường quốc tế.

c) Đối với thị trường nhập khẩu:

Nghiên cứu tiếp cận nhập khẩu công nghệ sản xuất, chế biến tiên tiến nhằm đẩy nhanh tiến trình phát triển ngành sữa trong nước. Đa dạng hóa thị trường nhập khẩu, tìm kiếm, lựa chọn và khai thác các thị trường uy tín, đảm bảo ổn định nguồn cung chất lượng với giá thành cạnh tranh, nhập khẩu sản phẩm sữa trong nước còn thiếu, chưa chế biến được phù hợp với thị hiếu người Việt. Khuyến khích các doanh nghiệp trong nước đầu tư sản xuất, chế biến sữa ở các nước có điều kiện phát triển, để cân đối những phần sữa còn thiếu hụt cho thị trường trong nước.

4. Định hướng về đảm bảo an toàn thực phẩm đối với sản phẩm sữa

- Rà soát các tiêu chuẩn (TCVN), quy chuẩn (QCVN), bổ sung, cập nhật theo nguyên tắc đồng bộ với các tiêu chuẩn quốc tế như: Codex, ISO, HACCP, OAOC và các tiêu chuẩn sản phẩm đối với thị trường đặc thù (Halal). Các sản phẩm sữa phải đảm bảo tuân thủ các quy định pháp luật về an toàn thực phẩm, các tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật về an toàn thực phẩm có liên quan.

- Xây dựng các trung tâm kiểm nghiệm an toàn thực phẩm khu vực theo tiêu chuẩn quốc tế. Bố trí kinh phí cho các hoạt động kiểm tra, giám sát định kỳ và đột xuất về an toàn thực phẩm trong các sản phẩm sữa, từ sữa nguyên liệu đến sữa chế biến. Tuyên truyền, huấn luyện, đào tạo nhân lực làm công tác kiểm tra giám sát an toàn thực phẩm.

IV. NHIỆM VỤ, GIẢI PHÁP CHỦ YẾU

1. Về cơ chế, chính sách

- Rà soát hoàn thiện cơ chế, chính sách, văn bản pháp luật liên quan đến toàn bộ chuỗi giá trị ngành sữa bao gồm: chính sách về việc xây dựng các vùng/cơ sở chăn nuôi bò sữa an toàn dịch bệnh, sản xuất sữa tươi nguyên liệu, chế biến, nhập khẩu, cung ứng và tiêu dùng sản phẩm; cơ chế, chính sách để hỗ trợ xây dựng và triển khai thực hiện chương trình giám sát quốc gia về an toàn thực phẩm đối với sữa và sản phẩm sữa, bảo đảm đồng bộ, thống nhất và hài hòa với các cam kết quy chuẩn quốc tế.

- Có chính sách dành quỹ đất, chuyển đổi diện tích đất hiệu quả thấp, đất nông lâm trường sang thâm canh trồng cỏ để phát triển chăn nuôi đàn bò sữa. Ưu tiên giao đất, thuê đất với chính sách ưu đãi theo quy định của pháp luật về đất đai cho các dự án trang trại tập trung, công nghiệp, các vùng chăn nuôi bò sữa nông hộ đủ điều kiện phát triển chăn nuôi, sản xuất chế biến sản phẩm sữa.

- Các ngân hàng thương mại tạo điều kiện cho các tổ chức, cá nhân vay vốn theo chính sách ưu đãi của nhà nước để đầu tư con giống, cơ sở vật chất, đổi mới

công nghệ đối với các dự án sản xuất quy mô lớn, hiện đại trong và ngoài nước, nhằm khuyến khích đầu tư chăn nuôi tăng nhanh sản xuất sữa nguyên liệu, nghiên cứu khoa học, chuyển giao và ứng dụng công nghệ cao trong sản xuất - chế biến sữa; khuyến khích mô hình khuyến nông, khuyến công, phát triển các hợp tác xã chăn nuôi, chế biến sữa phù hợp với các phân khúc thị trường; đảm bảo cân đối hài hòa lợi ích giữa nhà sản xuất, nhà phân phối và người tiêu dùng.

- Nghiên cứu, xây dựng và ban hành các quy định truy xuất nguồn gốc bằng mã số định danh điện tử trên toàn bộ chuỗi sản xuất sữa từ nguyên liệu đầu vào đến thành phẩm nhằm đảm bảo chất lượng sữa, an toàn thực phẩm, chống gian lận thương mại, bảo đảm tính công khai, minh bạch, trung thực, góp phần xây dựng môi trường cạnh tranh lành mạnh, thúc đẩy phát triển ngành sữa và bảo vệ quyền lợi sức khỏe người tiêu dùng.

- Triển khai hiệu quả các chính sách hỗ trợ liên kết trong sản xuất và tiêu thụ sản phẩm sữa trên cơ sở sửa đổi bổ sung Nghị định số 98/2018/NĐ-CP ngày 05 tháng 7 năm 2018 của Chính phủ về chính sách khuyến khích phát triển hợp tác, liên kết trong sản xuất và tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp và thể chế hóa Nghị quyết 68-NQ/TW ngày 04 tháng 5 năm 2025 của Bộ Chính trị về phát triển kinh tế tư nhân và Nghị quyết số 198/2025/QH15 ngày 17 tháng 5 năm 2025 của Quốc hội về một số cơ chế, chính sách đặc biệt phát triển kinh tế tư nhân. Thúc đẩy hình thành các liên kết theo chuỗi giá trị bền vững giữa nông dân - hợp tác xã - doanh nghiệp và doanh nghiệp - nông dân, doanh nghiệp - doanh nghiệp và giữa các tổ chức sản xuất - chế biến - phân phối. Xây dựng cơ chế điều phối liên ngành giữa các bộ, ngành trong quản lý ngành sữa bảo đảm hiệu lực, hiệu quả.

- Rà soát, sửa đổi, bổ sung các quy định pháp luật liên quan đến quản lý chất lượng và an toàn thực phẩm, tăng cường quản lý nhà nước đối với việc ghi nhãn, tên gọi sản phẩm theo hướng phân biệt rõ tránh gây nhầm lẫn giữa các sản phẩm sữa. Sản phẩm sữa phải được mã hóa theo công nghệ Blockchain, kết hợp với tăng cường kiểm tra, giám sát các công đoạn trong quá trình sản xuất. Sản phẩm sữa bổ sung các vi chất có tính năng riêng biệt cần phải thử nghiệm lâm sàng, được cơ quan thẩm quyền phê duyệt trước khi thương mại hóa.

- Hoàn thiện cơ chế kiểm tra, giám sát đối với toàn bộ hoạt động sản xuất kinh doanh trong ngành sữa, cơ sở sản xuất, chế biến phải có phòng thí nghiệm được trang bị các thiết bị đo lường, kiểm nghiệm đồng bộ để đảm bảo phân tích nguyên liệu đầu vào, các thành phẩm. Kết quả phân tích, kiểm nghiệm trong sản xuất, chế biến sản phẩm sữa phải được lưu trữ tại doanh nghiệp, đồng thời truyền dữ liệu về trung tâm của các cơ quan có thẩm quyền để quản lý chất lượng sản phẩm theo thời gian thực và truy xuất nguồn gốc khi có sự cố về an toàn thực phẩm.

- Đa dạng hóa các chương trình truyền thông nhằm từng bước thay đổi nhận thức và thói quen trong sử dụng sản phẩm sữa. Đẩy mạnh thực thi các quy định về bảo vệ môi trường trong chuỗi giá trị ngành sữa, kiểm soát nghiêm các cơ sở vi phạm, xử lý nghiêm minh theo quy định của pháp luật hiện hành.

2. Về thị trường

a) Thị trường trong nước

- Tăng cường đầu tư cho công tác điều tra, nghiên cứu, dự báo thị trường và xúc tiến thương mại để có dữ liệu đầy đủ, chính xác và kịp thời về thị trường; từ đó, hỗ trợ cho doanh nghiệp trong ngành nắm bắt được đầy đủ thông tin thị trường phục vụ cho sản xuất và tiêu thụ sản phẩm.

- Khuyến khích doanh nghiệp ngành sữa xây dựng mạng lưới phân phối; tham gia hội chợ, triển lãm trong nước và quốc tế để các doanh nghiệp có nhiều cơ hội giới thiệu, quảng bá sản phẩm cũng như hiểu rõ xu thế tiêu dùng của thị trường, đặc biệt là các thị trường mới; hỗ trợ một số hoạt động trong công tác mở rộng thị trường phân phối sản phẩm trên các địa bàn thành thị, nông thôn, vùng sâu, vùng xa và hải đảo.

- Tăng cường cơ chế kiểm soát chất lượng hàng hoá lưu thông trên thị trường trong nước để chống hàng lậu, hàng kém chất lượng; quản lý về nội dung ghi nhãn mác, quảng cáo, tiếp thị các sản phẩm sữa (nhất là sữa công thức cho trẻ em) tạo môi trường cạnh tranh lành mạnh trong ngành, bảo đảm đúng pháp luật và đúng theo chuẩn quốc tế (WHO Code).

- Tiếp tục thực hiện cuộc vận động "Người Việt Nam ưu tiên dùng hàng Việt Nam" một cách hiệu quả để sản phẩm của ngành sữa có được thị trường nội địa bền vững. Theo đó, xây dựng hình ảnh sản phẩm sữa trong nước với các tính năng ưu việt như chất lượng cao, an toàn thực phẩm, giá cả cạnh tranh, phù hợp với điều kiện tiêu dùng, đặc biệt chú trọng sữa cho chương trình bữa ăn học đường có sữa tươi để phát triển thể chất người Việt.

b) Xuất khẩu sữa

- Tập trung nâng cao năng lực tiếp cận và mở rộng thị trường bao gồm cả thị trường đầu vào phục vụ sản xuất chế biến, thị trường đầu ra sản phẩm ngành sữa, trong đó đặc biệt chú ý tới các thị trường mới, giàu tiềm năng.

- Đẩy mạnh công tác xúc tiến thương mại và tổ chức các kênh phân phối đa dạng kết hợp với thiết lập các chi nhánh, văn phòng đại diện ở nước ngoài; khuyến khích các doanh nghiệp tìm kiếm đối tác thương mại thông qua các cơ quan đại diện của Việt Nam ở nước ngoài, các đoàn công tác của Chính phủ.

- Đẩy mạnh công tác nghiên cứu thị trường xuất khẩu, đặc biệt chú trọng tới nhu cầu và thị hiếu tiêu dùng của các thị trường tiềm năng lớn tạo cơ sở cho việc phát huy các lợi thế so sánh của ngành để làm ra sản phẩm phù hợp với nhu cầu của các thị trường. Đối với các sản phẩm xuất khẩu vào các thị trường có yêu cầu về chất lượng khác với quy chuẩn Việt Nam thì phải thể hiện rõ sản phẩm được dành cho thị trường đó.

- Thiết lập hệ thống thông tin thị trường trong khu vực và toàn cầu, thông qua văn phòng đại diện Thương mại Việt Nam để có thể dự báo, cập nhật thường xuyên và nhanh chóng nhu cầu thị trường về sữa ở trong khu vực và trên thế giới.

c) Nhập khẩu

Kiểm soát chặt chẽ sữa, các loại nguyên liệu nhập khẩu phục vụ chế biến sữa thông qua việc ban hành các quy chuẩn, quy định về chất lượng, trong đó cần quy định thời hạn sử dụng nhất định mới đủ điều kiện được nhập khẩu vào thị trường Việt Nam. Các loại nguyên liệu, phụ gia phải được kiểm soát chặt chẽ trong quá trình sản xuất sản phẩm sữa dưới hình thức truy vết sử dụng.

3. Về doanh nghiệp ngành sữa

- Nhà nước tập trung hỗ trợ và tạo điều kiện về cơ chế, chính sách để hình thành từ 3 đến 5 doanh nghiệp sữa hàng đầu có khả năng cạnh tranh quốc tế theo định hướng Nghị quyết số 68-NQ/TW ngày 04 tháng 5 năm 2025 của Bộ Chính trị về phát triển kinh tế tư nhân.

- Các doanh nghiệp chủ động xây dựng chiến lược phát triển doanh nghiệp, trong đó chú trọng đến chiến lược phát triển sản phẩm, ưu tiên phát triển sản phẩm mới cho từng thị trường, đặc biệt là thị trường có sức tiêu thụ lớn nhằm đảm bảo cho sự phát triển của doanh nghiệp cũng như các điều kiện cam kết quốc tế.

- Phát triển các dự án tổ hợp trang trại bò sữa tập trung hỗn hợp chăn nuôi nông hộ theo mô hình kinh tế xanh, kinh tế tuần hoàn trên nền tảng khép kín chuỗi giá trị ngành sữa. Hỗ trợ tiêu thụ sản phẩm sữa và khoa học công nghệ chăn nuôi nhằm tạo sinh kế cho người dân, đảm bảo an sinh xã hội khu vực nông nghiệp nông thôn.

- Thực hiện nghiêm túc, hiệu quả các cam kết trong hiệp định thương mại để tận dụng tối đa ưu thế của thị trường nhất là những thị trường mới; chú trọng xây dựng và phát triển rộng khắp hệ thống đại lý và tiêu thụ sản phẩm, phát huy vai trò của các chi nhánh nhằm tăng tính chủ động trong phân phối, kinh doanh sản phẩm.

- Tăng cường công tác nghiên cứu thị trường, nghiên cứu sản phẩm đáp ứng nhanh nhu cầu tiêu dùng để không ngừng đưa ra thị trường sản phẩm mới, đa dạng về chủng loại, mẫu mã kết hợp nâng cao chất lượng nhằm tăng năng lực cạnh tranh của sản phẩm và nâng cao vị thế của doanh nghiệp.

- Tiếp tục thực hiện quá trình tái cấu trúc doanh nghiệp trong đó tập trung nhiều hơn cho việc nâng cao chất lượng nguồn nhân lực; ứng dụng khoa học công nghệ trong quản lý, sản xuất, kinh doanh nhằm nâng cao năng suất lao động, tạo ra sản phẩm sản lượng lớn, chất lượng cao.

- Triển khai áp dụng các bộ tiêu chuẩn trong quản lý và sản xuất, kết hợp với xây dựng, rà soát và có cơ chế giám sát chặt chẽ hệ thống các định mức chi phí trong quá trình sản xuất kinh doanh, tạo tiền đề cho việc hạ giá thành sản phẩm, nâng cao năng lực cạnh tranh. Tăng cường tính liên kết giữa các doanh nghiệp nhằm hỗ trợ, bổ sung nguồn lực, giảm chi phí sản xuất, kinh doanh. Tham gia vào các hiệp hội doanh nghiệp, hiệp hội ngành nghề để kết nối các doanh nghiệp trong sản xuất, tiêu thụ sản phẩm.

- Phát triển hạ tầng logistics lạnh và trung tâm thu gom, bảo quản sữa tươi để đảm bảo chất lượng sữa tươi nguyên liệu, tăng hiệu quả thu mua và giảm chi phí logistic, nâng cao năng lực sản xuất, chế biến, cung cấp tại chỗ các sản phẩm sữa tươi và sản phẩm sữa chế biến ở cả ba miền: Bắc, Trung, Nam.

4. Về nghiên cứu khoa học công nghệ và quy chuẩn tiêu chuẩn

- Khuyến khích doanh nghiệp tăng cường hoạt động nghiên cứu, đổi mới sáng tạo và phát huy sáng kiến kỹ thuật, nhằm tạo ra các giải pháp công nghệ tiên tiến; phát triển giống bò sữa nội địa chất lượng cao, nâng cao năng suất, chất lượng sản phẩm, đồng thời phát triển các dòng sản phẩm mới phù hợp với xu hướng tiêu dùng trong nước và quốc tế nhằm giảm phụ thuộc vào nhập khẩu.

- Đẩy mạnh áp dụng các mô hình quản lý tiên tiến trong sản xuất, chế biến và quản trị doanh nghiệp, gắn liền với đổi mới công nghệ, hiện đại hóa thiết bị. Ưu tiên ứng dụng các giải pháp tiết kiệm nguyên, nhiên liệu, nâng cao hiệu quả sử dụng tài nguyên, giảm chi phí sản xuất và tăng khả năng kiểm soát chất lượng, quản lý quy trình công nghệ, qua đó cải thiện chất lượng và sức cạnh tranh của sản phẩm chế biến sữa.

- Tăng cường nghiên cứu, chuyển giao và ứng dụng công nghệ cao, công nghệ sinh học vào toàn bộ chuỗi sản xuất và chế biến sữa, khuyến khích các doanh nghiệp tiếp nhận và áp dụng vào thực tiễn sản xuất các kết quả nghiên cứu khoa học liên quan đến thiết bị, máy móc, chế phẩm, phụ gia, hương liệu, công nghệ bảo quản và chế biến sữa, nhằm nâng cao năng suất và giá trị gia tăng của sản phẩm.

- Tăng cường hỗ trợ của Nhà nước đối với các cơ sở nghiên cứu khoa học ngành công nghiệp thực phẩm hiện có được đầu tư hệ thống máy móc, thiết bị phân tích, đo lường, kiểm nghiệm đủ năng lực để kiểm tra, kiểm nghiệm sản phẩm theo tiêu chuẩn, dựa trên cơ sở chứng nhận HACCP và các quy chuẩn quốc tế có liên quan. Ứng dụng công nghệ số và mã hóa để truy xuất nguồn gốc theo công nghệ như mã QR, mã vạch và RFID. Hình thành và phát triển Trung tâm máy móc đóng vai trò dùng chung theo pháp luật về khoa học công nghệ.

5. Về phát triển nguồn nhân lực

- Xây dựng và triển khai chương trình đào tạo nguồn nhân lực phù hợp với yêu cầu phát triển của ngành theo từng giai đoạn, trên cơ sở xác định cụ thể nhu cầu lao động ở mọi trình độ, gắn với định hướng phát triển ngành và cơ cấu sản xuất. Chú trọng công tác thu hút, đào tạo và sử dụng hiệu quả nguồn nhân lực chất lượng cao, nhằm đảm bảo đội ngũ lao động đáp ứng yêu cầu sản xuất, kinh doanh trong bối cảnh hội nhập và đổi mới công nghệ.

- Khuyến khích các doanh nghiệp trong ngành chủ động bố trí nguồn lực tài chính, tăng tỷ lệ đầu tư cho công tác đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ cán bộ quản lý, kỹ sư, công nhân kỹ thuật. Nâng cao năng lực tiếp cận, vận hành hiệu quả các hệ thống thiết bị, dây chuyền công nghệ hiện đại, ứng dụng mô hình quản trị tiên tiến, qua đó nâng cao chất lượng sản phẩm, giảm chi phí và tăng hiệu quả sản xuất.

- Nâng cao kiến thức, kỹ năng quản trị doanh nghiệp, quản trị công nghệ và tiếp nhận chuyển giao công nghệ, đặc biệt là trong bối cảnh hội nhập quốc tế. Đa dạng hóa các hình thức đào tạo và bồi dưỡng nhân lực thông qua các nhiệm vụ khoa học - công nghệ, các chương trình liên kết đào tạo với các doanh nghiệp lớn trong nước và doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài, nhằm nâng cao trình độ, kỹ năng và năng lực sản xuất cho đội ngũ lao động trong toàn ngành.

- Tăng cường bồi dưỡng, cập nhật kiến thức về an toàn thực phẩm và quản lý an toàn thực phẩm cho đội ngũ nhân sự trong toàn chuỗi sản xuất - chế biến - tiêu dùng sản phẩm sữa. Đảm bảo mọi khâu từ sản xuất nguyên liệu, chế biến đến tiêu thụ sản phẩm đều tuân thủ nghiêm ngặt quy định về an toàn thực phẩm, góp phần bảo vệ sức khỏe người tiêu dùng và nâng cao uy tín sản phẩm sữa Việt Nam.

6. Phát triển bền vững và xanh hóa ngành công nghiệp chế biến sữa

- Đẩy mạnh lựa chọn áp dụng công nghệ chế biến tiên tiến; đánh giá vòng đời sản phẩm (LCA), phát triển nhãn xanh - nhãn sinh thái cho sản phẩm sữa; chú trọng công nghệ "Sản xuất sạch hơn", đầu tư chiều sâu, đổi mới công nghệ, thiết bị, lấy việc phòng ngừa ô nhiễm, giảm thiểu chất thải, hạn chế phát sinh những chất thải có tác động tiêu cực đến môi trường; kết hợp với biện pháp xử lý cuối nguồn để đảm bảo không gây ô nhiễm môi trường; áp dụng mô hình kinh tế tuần hoàn trong sản xuất sữa nguyên liệu và chế biến sản phẩm sữa.

- Tăng cường thanh tra, kiểm tra việc chấp hành các quy định pháp luật về an toàn và bảo vệ môi trường của các đơn vị, doanh nghiệp; đồng thời nâng cao chất lượng kiểm định máy móc, thiết bị, vật tư, nguyên liệu sản xuất để đảm bảo nghiêm ngặt về an toàn sản xuất, an toàn lao động. Trang bị đầy đủ hệ thống thiết bị quan trắc và kiểm soát ô nhiễm môi trường tại cơ sở sản xuất, nhà máy chế biến sữa, bảo đảm tuân thủ các quy chuẩn, tiêu chuẩn kỹ thuật quốc gia hiện hành về môi trường.

- Thúc đẩy phát triển mô hình sản xuất xanh trong ngành sữa, khuyến khích các doanh nghiệp áp dụng quy trình sản xuất thân thiện với môi trường, phát triển sản phẩm theo hướng tăng trưởng xanh. Hướng tới mục tiêu phát triển bền vững trong sản xuất và tiêu dùng, góp phần thực hiện các cam kết quốc gia về bảo vệ môi trường và giảm phát thải khí nhà kính.

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Bộ Công Thương

- Chủ trì, phối hợp với các bộ, ngành và Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương và các cơ quan, địa phương có liên quan tổ chức thực hiện Chiến lược này.

- Chủ trì, phối hợp các cơ quan, địa phương liên quan kiểm tra, giám sát, đánh giá kết quả hằng năm và 05 năm; đề xuất, kiến nghị Thủ tướng Chính phủ quyết định những vấn đề phát sinh vượt thẩm quyền, bổ sung, điều chỉnh chiến lược phù hợp với điều kiện thực tiễn.

- Chủ trì xây dựng và triển khai các chương trình, đề án phát triển ngành sữa; nhiệm vụ khoa học và công nghệ các cấp, đổi mới sáng tạo, đổi mới công nghệ, đào tạo nguồn nhân lực, chuyển giao và làm chủ công nghệ trong các lĩnh vực phát triển sản phẩm, xúc tiến thương mại, công nghệ sản xuất, chế biến sản phẩm mới; hỗ trợ các doanh nghiệp triển khai, ứng dụng công nghệ tiên tiến, hiện đại, công nghệ xanh thân thiện với môi trường trong khâu sản xuất chế biến sữa.

- Chủ trì, phối hợp với các bộ, ngành và địa phương có liên quan nghiên cứu hoàn thiện hệ thống văn bản pháp luật, đề xuất cơ chế, chính sách; tăng cường công tác quản lý chất lượng trong quá trình sản xuất, chế biến, bảo quản, vận chuyển, xuất khẩu, nhập khẩu, kinh doanh và tiêu thụ trong chuỗi sản xuất và tiêu dùng.

- Chủ trì, phối hợp các bộ, ngành và đơn vị liên quan xây dựng, ban hành văn bản sửa đổi Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia đối với các sản phẩm sữa. Quản lý chất lượng sản phẩm sữa chế biến và các sản phẩm có chứa sữa đúng chức năng, theo quy định của pháp luật.

2. Bộ Tài chính

Chủ trì, phối hợp với Bộ Công Thương, các bộ, ngành liên quan nghiên cứu, rà soát, hoàn thiện, đề xuất các cơ chế, chính sách ưu đãi và hỗ trợ đầu tư về thuế, tín dụng và đất đai; thuế thu nhập doanh nghiệp, chính sách thuế xuất nhập khẩu, tiền sử dụng đất, thuế giá trị gia tăng theo quy định của pháp luật, nhằm thúc đẩy đầu tư mở rộng vùng nguyên liệu chăn nuôi bò sữa, tăng sản lượng sữa, phát triển ngành công nghiệp chế biến sữa trong nước.

3. Bộ Khoa học và Công nghệ

- Chủ trì, phối hợp với các bộ, ngành liên quan nghiên cứu rà soát, hoàn thiện cơ chế, chính sách, hành lang pháp lý nhằm khuyến khích, thúc đẩy việc nghiên cứu, chuyển giao, ứng dụng các tiến bộ khoa học và công nghệ để hiện đại hoá ngành sữa trong nước.

- Chủ trì, phối hợp Bộ Công Thương triển khai các đề án, chương trình nghiên cứu và ứng dụng khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển giao và làm chủ công nghệ phát triển ngành sữa theo định hướng của Chiến lược.

- Chủ trì, phối hợp với các bộ, ngành liên quan xây dựng và triển khai kế hoạch xây dựng tiêu chuẩn, quy chuẩn quốc gia (QCVN); rà soát, sửa đổi, xây dựng, công bố các hàng rào kỹ thuật và tiêu chuẩn chất lượng trang thiết bị sản xuất chế biến sữa.

4. Bộ Nông nghiệp và Môi trường

- Chủ trì, phối hợp với Bộ Công Thương hoàn thiện cơ chế chính sách, quy chuẩn quốc gia về sữa tươi theo thẩm quyền, quy định của pháp luật; tạo điều kiện thuận lợi cho ngành sản xuất, chế biến sữa trong nước phát triển theo các mục tiêu, định hướng và giải pháp của Chiến lược này.

- Chủ trì cập nhật sửa đổi Chiến lược phát triển chăn nuôi giai đoạn 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2045 đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Quyết định số 1520/QĐ-TTg ngày 06 tháng 10 năm 2020 đối với các nội dung có liên quan, phù hợp với Chiến lược này. Xây dựng chương trình phát triển đàn bò sữa phù hợp cho từng vùng sinh thái, trong đó có chính sách tín dụng ưu đãi dài hạn, chính sách hỗ trợ hợp tác xã và nông hộ chăn nuôi bò sữa.

- Chủ trì, rà soát, sửa đổi, bổ sung luật đất đai, trong đó nghiên cứu chính sách mới giảm tiền sử dụng đất, tạo điều kiện tích tụ ruộng đất cho các tổ hợp chăn nuôi bò sữa, tái cơ cấu các nông lâm trường sử dụng diện tích đất lâm nghiệp hiệu quả thấp, chuyển đổi sang chăn nuôi bò sữa, tăng hiệu quả sử dụng đất đối với các doanh nghiệp ngành sữa.

- Tăng cường công tác quản lý hoạt động chăn nuôi bò sữa, bao gồm quản lý giống bò sữa năng suất, chất lượng cao; ứng dụng công nghệ chăn nuôi tiên tiến; áp dụng kỹ thuật nhân giống bằng cấy phôi giới tính nhằm tăng nhanh đàn bò cái cho sữa năng suất cao; kiểm soát chất lượng thức ăn chăn nuôi; đặc biệt chú trọng công tác phòng, chống dịch bệnh cho đàn bò sữa trên cả nước. Xây dựng và triển khai đề án phát triển đàn bò sữa gắn với quy hoạch vùng chăn nuôi phù hợp với định hướng phát triển của ngành; mở rộng quy mô đàn bò, nâng cao sản lượng sữa tươi nguyên liệu đáp ứng nhu cầu công nghiệp chế biến sữa trong nước.

- Chỉ đạo, kiểm tra, giám sát và có biện pháp cụ thể để thực hiện tốt công tác sử dụng đất, khai thác tài nguyên đất, sử dụng nước tiết kiệm hiệu quả, bảo vệ môi trường tại các khu vực chăn nuôi, vùng sản xuất sữa tươi nguyên liệu đảm bảo chất lượng, an toàn thực phẩm phục vụ chế biến sau sữa. Ưu tiên những dự án đầu tư phát triển ngành sữa hiện đại, đảm bảo môi trường xanh, sạch và phát triển bền vững.

- Chủ trì, phối hợp với các bộ, ngành liên quan xây dựng và ban hành tiêu chuẩn về môi trường đối với ngành sữa, nâng cao năng lực và hiệu quả các hoạt động quản lý môi trường đặc biệt trong công tác quản lý chất phế thải chăn nuôi trong sản xuất sữa tươi nguyên liệu cũng như công nghiệp chế biến sữa.

- Phối hợp với Bộ Khoa học và Công nghệ nghiên cứu, áp dụng công nghệ mới vào sản xuất chế biến nhằm mục tiêu giảm phát thải khí nhà kính, giảm phát thải ra nguồn nước các chất thải trong công nghiệp chế biến sữa (nước thải, khí thải, chất thải rắn sản xuất…).

5. Bộ Giáo dục và Đào tạo

- Chủ trì, phối hợp với các bộ, ngành liên quan, các trường đại học, cao đẳng, trường nghề, các viện nghiên cứu trong chỉ đạo xây dựng chương trình nghiên cứu, đào tạo và tổ chức đào tạo đội ngũ cán bộ kỹ thuật, cán bộ quản lý, cán bộ làm công tác an toàn thực phẩm, đội ngũ công nhân lành nghề đáp ứng nhu cầu nhân lực, vật lực chất lượng cao cho phát triển ngành sữa.

- Chủ trì, phối hợp với Bộ Y tế, bộ ngành liên quan xây dựng chương trình truyền thông về sữa đối với phát triển thể chất con người, khuyến khích các

doanh nghiệp hoạt động trong ngành sữa tham gia hỗ trợ triển khai bữa ăn học đường có sữa tươi.

6. Bộ Y tế

- Phối hợp với Bộ Công Thương, Bộ Nông nghiệp và Môi trường, các ngành và đơn vị liên quan khác trong việc tăng cường công tác quản lý nhà nước, công tác thanh tra, kiểm tra việc tuân thủ các quy định pháp luật trong sản xuất, chế biến, kinh doanh sữa để đảm bảo chất lượng sữa công bố, ổn định thị trường sản phẩm hàng hóa, chất lượng và an toàn thực phẩm đối với sữa nguyên liệu và các sản phẩm sữa khác.

- Phối hợp với Bộ Công Thương, các bộ ngành liên quan khác nghiên cứu, rà soát, xây dựng và ban hành các tiêu chuẩn, quy chuẩn quốc gia (QCVN) đối với các sản phẩm sữa từ sữa tươi nguyên liệu đến sữa chế biến.

7. Các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ

Chủ trì, phối hợp với Bộ Công Thương và cơ quan liên quan căn cứ chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn quản lý nhà nước theo quy định của pháp luật, có trách nhiệm chỉ đạo, triển khai kịp thời các quan điểm, mục tiêu, định hướng và các giải pháp của Chiến lược; chủ động đề xuất cơ chế, chính sách, các giải pháp tháo gỡ vướng mắc để thực hiện hiệu quả các nội dung có liên quan đến Chiến lược này.

8. Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương

- Chỉ đạo, xây dựng cơ chế chính sách và tổ chức thực hiện Chiến lược phát triển ngành sữa, phát triển đầu tư các cơ sở, các doanh nghiệp sản xuất chế biến sữa trên địa bàn phù hợp với địa phương, quy hoạch quỹ đất cho phát triển vùng nguyên liệu chăn nuôi bò sữa như Lâm Đồng, Sơn La…, gắn với hạ tầng logistics lạnh, phát triển kinh tế sữa, thực hiện tốt Chiến lược này.

- Xây dựng cơ chế, tạo điều kiện thuận lợi cho các nhà đầu tư triển khai các dự án về phát triển sản xuất sữa tươi nguyên liệu, chế biến các sản phẩm sữa trên địa bàn; tham gia xây dựng, góp ý, hoàn thiện cơ chế, chính sách để thúc đẩy phát triển ngành sữa Việt Nam.

- Nghiên cứu hình thành các cơ chế hỗ trợ giá sữa trong bữa ăn học đường.

- Phối hợp với các bộ, ngành liên quan tổ chức và kiểm tra việc thực hiện Chiến lược, xử lý và tháo gỡ kịp thời những vướng mắc, khó khăn cho các nhà đầu tư, đặc biệt các doanh nghiệp cung cấp nguyên liệu phụ trợ trong quá trình sản xuất chế biến sữa trên địa bàn thuộc chức năng quản lý của địa phương.

9. Các Hiệp hội và doanh nghiệp

a) Hiệp hội Sữa Việt Nam và các Hội, Hiệp hội ngành hàng liên quan

- Thực hiện vai trò cầu nối giữa các nông hộ, trang trại, các doanh nghiệp chăn nuôi bò sữa, doanh nghiệp sản xuất chế biến, kinh doanh sữa và thị trường với cơ quan quản lý nhà nước.

- Tăng cường truyền thông vai trò của sữa/sản phẩm sữa với dinh dưỡng và sức khỏe người Việt, tạo cơ hội xúc tiến thương mại, hợp tác đầu tư giữa các doanh nghiệp ngành sữa trong nước và quốc tế.

- Chủ động đề xuất và tham gia với các bộ, ngành liên quan trong việc tư vấn, phản biện chính sách và hoàn thiện hệ thống các tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật phát triển ngành sữa; phối hợp giải quyết những vướng mắc phát sinh trong quá trình hoạt động sản xuất - kinh doanh, đặc biệt trong quá trình hội nhập quốc tế.

b) Các doanh nghiệp trong ngành sữa

- Trách nhiệm triển khai thực hiện hiệu quả Chiến lược này, thực hiện tốt vai trò sản xuất, kinh doanh, kết nối với người chăn nuôi trong nước đảm bảo cung cấp đa dạng sản phẩm sữa an toàn, chất lượng, giá trị gia tăng cao cho thị trường trong nước và xuất khẩu.

- Chủ động xây dựng, điều chỉnh chiến lược phát triển doanh nghiệp và kế hoạch phù hợp với sự phát triển chung của toàn ngành, đồng thời xây dựng phương án tăng cường nghiên cứu thị trường để xem xét đầu tư các dự án mới ở cả trong và ngoài nước góp phần tích cực vào sự phát triển ngành và xây dựng thương hiệu mạnh, thương hiệu quốc gia về sữa, sản phẩm sữa Việt Nam.

- Theo thẩm quyền, chức năng được quy định tại Luật Doanh nghiệp và các quy định của pháp luật tổ chức liên quan, triển khai cụ thể các nhiệm vụ và giải pháp trong Chiến lược này.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký ban hành.

Điều 4. Các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương và các cơ quan liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

KT. THỦ TƯỚNG
PHÓ THỦ TƯỚNG

Bùi Thanh Sơn